TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 24

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Làm tròn số 189,892 đến hàng phần trăm ta được:

A. 189,91 **B.** 189,9 **C.** 189,892 **D.** 189,89

Câu 2. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 86,68 …… 86,77

A. > **B.** < **C.** =

Câu 3. Có 29,8 l nước mắm rót đều vào 4 can. Mỗi can có số lít nước mắm là:

A. 7,55 l **B.** 25,8 l **C.** 74,5 l **D.** 7,45 l

Câu 4. 30,889 × 0,01 = …….

A. 30 889 **B.** 3088,9 **C.** 3,0889 **D.** 0,30889

Câu 5. 1882 m = …… km

A. 188,2 **B.** 0,1882 **C.** 18,82 **D.** 1,882

Câu 6. Hình thang có đáy lớn 14 cm, đáy bé 6 cm, chiều cao 5 cm. Diện tích hình thang là:

A. 210 cm² **B.** 100 cm² **C.** 50 cm² **D.** 25 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 81 đơn vị, 1 phần mười, 4 phần trăm, 3 phần nghìn viết là: …….

b) Phân số 2/5 viết dưới dạng số thập phân: …….

c) Hỗn số 8 92/100 viết dưới dạng số thập phân: …….

Bài 2. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 30,51 …… 30,6

b) 7,6 …… 7,60

c) 8 tấn 500 kg …… 8,5 tấn

d) 4 ha …… 4000 m²

Bài 3. Tính (viết kết quả dưới dạng phân số tối giản):

a) 1/4 : 1/2 = …….

b) 11/9 × 3/5 = …….

c) 3/4 + 1/2 = …….

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7 m 5 cm = …… m

b) 7 kg 46 g = …… kg

c) 7 km² = …… ha

d) 8000 m² = …… ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3{,}14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 5 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 5 cm: …… cm²

c) Chu vi hình tròn đường kính 14 dm: …… dm

Bài 6. Một tổ may cắt 6 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 3,8 m vải. Giá mỗi mét vải là 120 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 24

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	B	D	D	D	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 81,143

b) 2/5 = 40/100 = 0,4

c) 8,92

Bài 2.

a) 30,51 < 30,6

b) 7,6 = 7,60

c) 8 tấn 500 kg = 8,5 tấn

d) 4 ha > 4000 m²

Bài 3.

a) 1/4 : 1/2 = 1/2

b) 11/9 × 3/5 = 11/15

c) 3/4 + 1/2 = 5/4

Bài 4.

a) 7,05

b) 7,046

c) 700

d) 0,8

Bài 5.

a) 5 × 2 × 3,14 = 31,4

b) 5 × 5 × 3,14 = 78,5

c) 14 × 3,14 = 43,96

Bài 6.

Số vải: 3,8 × 6 = 22,8 (m)

Số tiền: 120 000 × 22,8 = 2 736 000 (đồng)